TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 440/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2025
V/v tranh chấp "Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Ngọc Điệp**

2. Bà **Nguyễn Thị Cẩm Bình**

* Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Phượng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh K.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh K: Ông **Trần Ngọc Nhiều** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 243/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Thị Oanh N, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Ấp N1, xã N2, huyện G, tỉnh K

2. *Bị đơn*: Anh Danh Ngọc T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp N1, xã N2, huyện G, tỉnh K

(Chị N; anh T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Oanh N trình bày:***

Chị và chồng chị là anh Danh Ngọc T cưới nhau vào năm 2021, trước khi cưới cả hai không có tự tìm hiểu nhau, mà do cha mẹ hai bên sắp đặt và tổ chức cưới. Sau đã có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N2, huyện G, tỉnh K.

Quá trình hôn nhân giữa chị và anh T là không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cải vã nhau liên tục. Nguyên nhân là do anh T sống thiếu trách nhiệm với gia đình, anh không biết lo làm ăn, chỉ trông chờ vào sự lo lắng của người khác. Thời gian qua mặc dù đã rất nhiều lần chị khuyên nhũ cùng chị đi làm ăn để lo cho tương lai về sau, nhưng anh T không đồng ý, không đi, chỉ biết ở nhà ăn xong rồi nghỉ, sự việc như vậy cứ diễn ra từ khi cưới cho đến nay, để cho một mình chị tự lo hết mọi chuyện, anh hoàn toàn không có trách nhiệm đến. Đến nay xét thấy chị không thể nào chấp nhận và bỏ qua việc sống vô trách nhiệm của anh đối với chị. Nếu miễn cưỡng để cùng anh tiếp tục chung sống thì chị không có hạnh phúc và tương lai. Nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh T để giải thoát cho chị về sau. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 7 năm 2024.

Trong quá trình chung sống giữa chị và anh T không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Danh Ngọc T có đơn xin vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14 tháng 5 năm 2025, bị đơn anh Danh Ngọc T có ý kiến trình bày:**

Do mai mối anh và chị N tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N2, huyện G, tỉnh K. Sau khi cưới chung sống hạnh phúc một thời gian bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ khi anh bệnh. Anh và chị N đã ly thân khoảng nửa năm nay. Trong quá trình chung sống không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý. Anh xác định con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị N, anh T: Có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Oanh N và anh Danh Ngọc T xác định do mai mối anh, chị tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N2, huyện G, tỉnh K. Trong quá trình chung sống phía chị N thì cho rằng anh T sống thiếu trách nhiệm với gia đình, anh không biết lo làm ăn, chỉ trông chờ vào sự lo lắng của người khác. Còn theo biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 5 năm 2025, anh T thì cho rằng sau khi cưới chung sống hạnh phúc một thời gian bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ khi anh bệnh. Mặc dù chị N và anh T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn không thống nhất nhưng nay chị N yêu cầu ly hôn với anh T thì anh T cũng đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thị Oanh N được ly hôn với anh Danh Ngọc T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Danh Ngọc T có hộ khẩu thường trú ở ấp N1, xã N2, huyện G, tỉnh K. Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh K theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Thị Oanh N và anh Danh Ngọc T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh, chị trong vụ án này.

Tòa án nhân dân huyện G đã thụ lý vụ án và đã tiến hành các thủ tục pháp lý; tiến hành phiên họp kiểm tra, tiếp cận giao nộp chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã N2, huyện G, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2022 vào ngày 16 tháng 5 năm 2022. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên mai mối mới đi đến hôn nhân. Sau khi cưới về chung sống một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị N nguyên nhân là do anh T sống thiếu trách nhiệm với gia đình, anh không biết lo làm ăn, chỉ trông chờ vào sự lo lắng của người khác. Thời gian qua mặc dù đã rất nhiều lần chị khuyên nhũ cùng chị đi làm ăn để lo cho tương lai về sau, nhưng anh T không đồng ý, không đi, chỉ biết ở nhà ăn xong rồi nghỉ, sự việc như vậy cứ diễn ra từ khi cưới cho đến nay, để cho một mình chị tự lo hết mọi chuyện, anh hoàn toàn không có trách nhiệm đến. Đến nay xét thấy chị không thể nào chấp nhận và bỏ qua việc sống vô trách nhiệm của anh đối với chị. Nếu miễn cưỡng để cùng anh tiếp tục chung sống thì chị không có hạnh phúc và tương lai. Nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh T để giải thoát cho chị về sau. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 7 năm 2024.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T xin vắng mặt nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 5 năm 2025, anh T có ý kiến trình bày sau khi cưới anh và chị N chung sống hạnh phúc một thời gian bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ khi anh bệnh. Anh và chị N đã ly thân khoảng nửa năm nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh, anh cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T xin vắng mặt không tham dự cũng như tại biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 5 năm 2025, anh T xác định đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị N. Điều này thể hiện anh không mong muốn hàn gắn đoàn tụ, duy trì quan hệ hôn nhân của anh, chị. Đồng thời, từ khi ly thân hai anh, chị đã có thời gian để suy nghĩ nhưng vẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ. Phía chị N có đơn xin xét xử vắng vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị N xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Danh Ngọc T. Do đó, đã đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng của chị N và anh T đã không còn hạnh phúc,

mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Thị Oanh N xác định về con chung, tài sản chung, nợ chung không có. Tại biên bản ghi lời khai ngày 12 tháng 5 năm 2025, anh T cũng thống nhất xác định về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên đủ cơ sở xác định giữa chị N và anh T không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[5] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị Oanh N được ly hôn với anh Danh Ngọc T.

2. Về con chung; tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Thị Oanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu

số 0013123 ngày 09/4/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh K. Xem như chị N đã thi hành xong phần án phí.

4. Chị Thị Oanh N, anh Danh Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã N2;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Ngọc Giàu